

Thứ sáu, ngày 16 tháng 8 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tiếp đà hồi phục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 19/8/2019		•	
Tuần 19/8-23/8/2019		•	
Tháng 8/2019		•	

Nhận định:

Thị trường: Tuy giao dịch lúc mở cửa có sự thận trọng sau phiên ngược dòng ngoạn mục hôm qua nhưng chỉ số VN-Index vẫn tăng nhẹ trong phiên sáng nhờ sắc xanh trên các Bluechips cùng nhóm ngân hàng, chứng khoán. Dù vậy, áp lực bán mạnh tại các cổ phiếu vốn hóa lớn như FPT, MWG, PNJ vào cuối phiên chiều đã thu hẹp đà tăng của thị trường. Chốt phiên, VN-Index tăng 0.62 điểm, đóng cửa tại 980 điểm. Thị trường hôm nay chứng kiến sự bứt phá của nhóm cổ phiếu ngân hàng, chứng khoán sau khi VFM dự kiến sẽ huy động vốn 2 quỹ ETF cho cổ phiếu gần hết room và cổ phiếu ngành tài chính. Thanh khoản tăng mạnh cũng là 1 điểm sáng trong phiên giao dịch hôm nay. **Tuy nhiên khối ngoại tiếp tục bán ròng cho thấy nhà đầu tư vẫn giữ tâm lý thận trọng trước ngưỡng kháng cự 980 điểm.**

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL có diễn biến trái chiều. Kết thúc phiên, VN30F1909 và VN30F2003 tăng điểm, trong khi VN30F1910 và VN30F1912 giảm điểm. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 865 điểm cho hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 16/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến tích cực khi hầu hết các mã đều tăng theo đà tăng của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh. VNM có phiên tăng điểm tích cực. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn cho thấy xu hướng hồi phục trong ngắn hạn, và sẽ tạo động lực tăng cho nhóm chứng quyền có cổ phiếu cơ sở là cổ phiếu này trong các phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme Xây dựng +1.4%. Danh mục Xây dựng hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng +1.4%, cao hơn mức tăng của VN-Index. Trong khi đó, danh mục Hàng tiêu dùng ghi nhận hiệu suất kém tích cực -0.2%.

Phân tích kỹ thuật: PC1_Hồi phục mạnh (Trang 2)

Điểm nhấn

- VN-Index **+0.62 điểm**, đóng cửa 980.00. HNX-Index **+0.68 điểm**, đóng cửa 102.35.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+1.09); VIC (+1.00); TCB (+0.97); BID (+0.93); PLX (+0.31).**
- Kéo chỉ số giảm: **SAB (-1.65); VCB (-1.18); VHM (-0.49); MWG (-0.34); BVH (-0.26).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,754.43 tỷ đồng, +34.2%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 10.73 điểm. Thị trường có 159 mã tăng và 151 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **228.7 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm HPG (99.03 tỷ), VJC (51.75 tỷ) và DXG (34.80 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **18.98 tỷ đồng.**

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX 980.00
 Giá trị: 3754.44 tỷ **0.62 (0.06%)**
 Khối ngoại (ròng): -228.7 tỷ

HNX-INDEX 102.35
 Giá trị: 363.04 tỷ **0.69 (0.68%)**
 Khối ngoại (ròng): -18.98 tỷ

UPCOM-INDEX 57.55
 Giá trị: 490.43 tỷ **0.2 (0.35%)**
 Khối ngoại (ròng): 27.08 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	55.2	1.38%
Giá vàng	1,511	-0.80%
Tỷ giá USD/VND	23,215	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,754	-0.36%
Tỷ giá JPY/VND	21,838	-0.14%
LS liên NH 1 tháng	3.3%	5.24%
LS TPCP 5 năm	3.4%	0.32%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	64.6	HPG	99.0
VIC	16.5	VJC	51.8
PLX	14.2	DXG	34.8
MSN	13.2	VPI	21.0
PVD	9.5	VCB	18.6

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Câu chuyện cuối tuần	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
i-INVEST	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật hiệu suất i-Invest: Danh mục Theme

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng +1.4%

Danh mục Theme	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm
Xây dựng	1.4%	1.0%	-3.4%	-5.6%	-7.9%	-11.4%
Ngân hàng	1.4%	3.2%	1.6%	5.6%	4.9%	-0.6%
Xây dựng & Vật liệu XD	1.3%	1.4%	-1.0%	-2.9%	-0.9%	-2.7%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.3%	1.4%	-4.9%	-4.4%	-0.1%	-1.4%
Nước & Năng lượng	1.1%	0.5%	-3.0%	-2.5%	1.5%	14.6%
Vật liệu Xây dựng	1.0%	0.5%	0.4%	1.3%	5.5%	12.1%
Dầu khí	0.9%	-1.1%	-4.8%	-7.2%	4.5%	5.7%
Chiến tranh thương mại	0.7%	-1.4%	-2.8%	-0.1%	1.6%	14.3%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.6%	2.8%	5.6%	8.6%	8.3%	6.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.6%	-1.6%	-2.1%	-1.7%	5.2%	19.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.5%	2.8%	1.9%	3.7%	3.3%	3.7%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.3%	0.7%	0.0%	-2.1%	1.7%	3.2%
BDS & Khu công nghiệp	0.2%	1.0%	0.3%	1.9%	3.5%	3.1%
Hàng tiêu dùng	-0.2%	1.0%	4.7%	5.5%	8.6%	11.8%
VNINDEX	0.1%	0.6%	-0.3%	0.4%	3.1%	1.6%
VN30INDEX	0.2%	1.6%	1.3%	0.2%	-0.6%	-5.8%

Phân tích kỹ thuật

PC1_Hồi phục mạnh

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.
- Đường MAs: 3 đường MA nằm trong xu hướng giảm.

Nhận định: Cổ phiếu PC1 đã hình thành xu hướng hồi phục trong phiên giao dịch hôm nay. Thanh khoản cổ phiếu vượt xa ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với bước giá tăng của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang cho thấy tín hiệu hồi phục khá tích cực. Đường giá cổ phiếu đã chạm vào dải mây Ichimoku, cho thấy tín hiệu đảo chiều khá tích cực. Như vậy, PC1 sẽ hồi phục trở lại và kiểm tra ngưỡng giá 20-21 trong các phiên giao dịch tới.

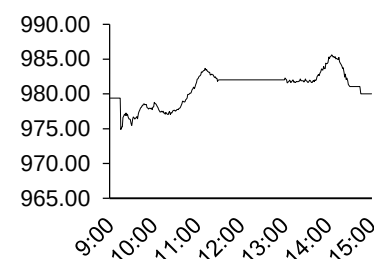


Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

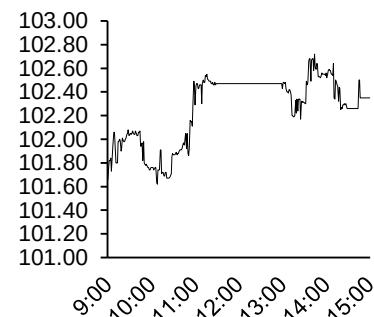
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Vận động ngành trong ngày

Ngành	%±
Truyền thông	-2.64%
Bán lẻ	-1.94%
Công nghệ Thông tin	-1.29%
Bảo hiểm	-1.20%
Y tế	-0.65%
Ô tô và phụ tùng	-0.64%
Tài nguyên Cơ bản	-0.57%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.51%
Thực phẩm và đồ uống	-0.23%
Hóa chất	0.14%
Điện, nước & xăng dầu khí đ	0.14%
Bất động sản	0.15%
Du lịch và Giải trí	0.35%
Ngân hàng	0.36%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.50%
Xây dựng và Vật liệu	0.61%
Dầu khí	1.43%
Dịch vụ tài chính	2.33%

Nguồn: FinPro

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 16/08/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 16/08	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	56.74	3.26%	5.72%	-5.90%	-16.53%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	60.92	4.03%	3.29%	-8.78%	-18.41%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.73	3.59%	2.19%	-10.67%	-17.22%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1501.92	-0.63%	1.96%	6.30%	29.69%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	16.97	-0.50%	3.28%	10.47%	18.15%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	873.39	1.13%	3.02%	-3.15%	-3.10%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	475.22	0.64%	-1.81%	-6.41%	-13.36%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.58	-0.17%	0.06%	1.44%	17.61%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	188.10	-2.69%	-1.52%	-18.39%	13.97%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	US cent/lb	11.71	1.30%	-0.17%	-2.90%	12.91%	SBT, LSS, SLS, QNS,	VNM, GTN, QNS
Chè	USD/kg	2.75	0.00%	-1.08%	30.95%	-15.12%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	95.80	2.19%	-1.29%	-11.95%	-7.03%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.62	1.80%	2.80%	-3.15%	-0.80%	MSN, ACM, BGM	CAV. SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/ton	3784.00	0.13%	-4.20%	0.91%	-13.90%	HSG, HPG, NKG	PC1. CTD, HBC
Nhôm	USD/ton	1770.00	-0.06%	0.40%	-3.91%	-13.33%		CAV. SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	USD/ton	91.00	-3.19%	-13.33%	-24.79%	36.30%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Than đá	USD/ton	72.10	0.35%	-1.50%	-3.65%	-36.37%	HSG, HPG, NKG	HSG, HPG, NKG

*Nguồn: BSC tổng hợp***Thông tin nổi bật****Giá dầu**

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 10/2019 đóng cửa ngày 15/08 giảm 1.25 USD, tương đương 2.1%, còn 58.23 USD. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 09/2019 giảm 0.76 USD, tương đương 1.4% xuống còn 54.47 USD.
- Giá dầu tiếp tục tăng thêm 3% do lo ngại suy thoái kinh tế và mối đe dọa Trung Quốc áp dụng các biện pháp trả đũa đối với mức thuế mới nhất của Mỹ lên 300 tỷ USD hàng Trung Quốc. Cuộc chiến thương mại giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới đã làm náo loạn các thị trường toàn cầu và làm đẩy lên những lo ngại về sự tăng trưởng nhu cầu dầu chậm lại.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.4% đạt 1,521.47 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2019 của Mỹ tăng 0.2% đạt mức 1,531.20 USD/ounce.
- Giá vàng tiếp tục tăng do lo ngại suy thoái kinh tế toàn cầu gây ra bởi cuộc chiến thương mại Mỹ- Trung, bất ổn ở Hồng Kong và Argentina khiến các nhà đầu tư tìm vàng làm nơi trú ẩn an toàn.
- Chứng khoán Mỹ tăng cao hơn sau khi có thông tin doanh số bán lẻ của nước này tăng trong tháng 7 làm dịu bớt tâm lý lo ngại gây ra bởi sự đảo lộn trong đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ, một tín hiệu chứng tỏ suy thoái sắp tới gần.

Giá thép

- Giá thép cuộn cán nóng giao tháng 10/2019 tại Thượng Hải tăng 0.7% đạt 3,722 CNY (529.78 USD)/tấn. Giá thép cây xây dựng tăng 0.5% đạt 3,715 CNY/ tấn, phiên tăng thứ ba liên tiếp. Giá thép kỳ hạn tại Trung Quốc tăng cao do giới thương gia hy vọng Bắc Kinh sẽ đưa ra nhiều biện pháp để kích thích nền kinh tế trong nước vốn đang chậm lại trong bối cảnh lo ngại về suy thoái kinh tế toàn cầu và một số nhà máy thép quyết định giảm sản lượng, chi phí nguyên liệu cao.

Giá nông sản

- Giá cà phê arabica giao tháng 12/2019 đã tăng 0.1 cent, tương đương 0.1%, lên 98 cent/lb. Giá cà phê Robusta giao tháng 11/2019 đã tăng 16 USD, tương đương 1.2%, đạt 1,354 USD/tấn. Mức tăng giá bị giới hạn bởi nguồn cung dồi dào sau vụ thu hoạch lớn ở Brazil, mặc dù giá thấp hiện tại có thể hạn chế sản xuất ở nơi khác.
- Đối với loại 5% tấm, gạo Việt Nam giảm từ 340-350 USD/tấn trong tuần trước xuống 335 – 345 USD/tấn trong tuần này, trong khi đó gạo Thái Lan giảm từ 415 – 425 USD/tấn xuống còn 406 – 425 USD/tấn, và gạo Ấn Độ giảm từ 377-381 USD/tấn xuống còn 374- 377 USD/tấn. Giá xuất khẩu gạo giảm tại Việt Nam, Ấn Độ, Thái Lan. Giá xuất khẩu gạo Việt Nam giảm trong tuần này do nhu cầu tiêu thụ yếu, đặc biệt từ Trung Quốc, trong khi hạn hán tiếp tục làm giảm nguồn cung từ Thái Lan và đồng rupee yếu ép giá gạo tại Ấn Độ.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su ngày 15/08/2019 kỳ hạn tháng 1/2020 tăng 2.6 JPY hay 1.5% đạt 166.0 JPY (1.57 USD)/kg. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 9/2019 giảm 95 CNY xuống còn 11,375 CNY (1,618 USD)/tấn. Giá cao su tại Tokyo sụt giảm mạnh do lo ngại nhu cầu chậm chạp từ Trung Quốc do chiến tranh thương mại Mỹ-Trung kéo dài và thị trường chứng khoán tăng điểm.

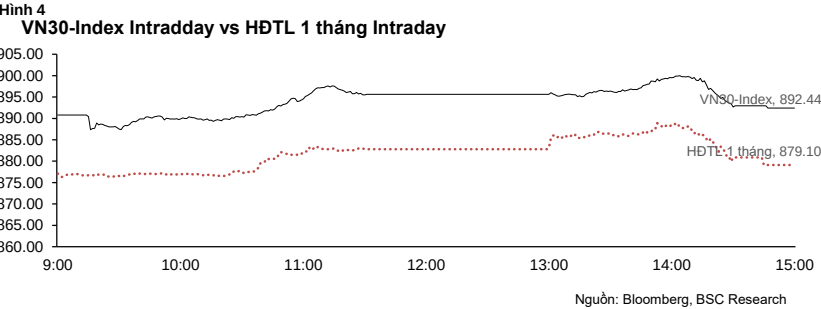
NGƯỜI THĂM DÒ DẦU MỎ

Chuyện kể rằng, một người thăm dò dầu mỏ sau khi chết đã đến được tận cổng thiên đường nhưng lại nhận tin dữ là không còn chỗ trống nào nữa. Được Thánh Phê-rô cho phép nói vài lời, anh ta đã la lên: “Dầu đã được tìm thấy ở địa ngục”. Thế là tất cả những người khai thác dầu trên thiên đường bắt đầu chạy xuống địa ngục.

Quá ấn tượng trước sự thông minh và nhanh trí của người này, Thánh Phê-rô đã nói với anh ta rằng giờ đây đã có chỗ cho anh trên thiên đường. Nhưng anh chàng thăm dò dầu lúc ấy lại khựng lại. Anh ta nói: “Không, tôi nghĩ mình sẽ đi theo những người kia. Có khi đó lại là sự thật thì sao”.



Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 3
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	Chênh lệch	%	KLGD	Ngày tới hạn	Số ngày
VN30F1908	890.70	1.49%	-1.74	-23.6%	29669	8/15/2019	0
VN30F1909	879.10	0.24%	-13.34	87.9%	100304	9/19/2019	34
VN30F1912	870.00	-0.23%	-22.44	-8.4%	250	12/19/2019	125
VN30F2003	878.30	0.49%	-14.14	11.9%	75	3/19/2020	216

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 1.66 điểm lên mức 892.44 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VNM, VIC, MSN, và VPB tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. VN30 có phiên biến động, giảm nhẹ ở đầu phiên và phục hồi mạnh mẽ có lúc chạm ngưỡng 900 điểm nhưng kết thúc phiên giảm mạnh về trên ngưỡng hỗ trợ 890 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn cho thấy xu hướng tăng ngắn hạn và có thể hướng tới các ngưỡng kháng cự tiếp theo ở 905 điểm.
- Các HDTL có diễn biến trái chiều. Kết thúc phiên, VN30F1909 và VN30F2003 tăng điểm, trong khi VN30F1910 và VN30F1912 giảm điểm. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F1909 và VN30F2003 đang tăng, trong khi VN30F1912 đang giảm. Điều này cho thấy kỳ vọng tăng giá trong ngắn hạn. Tuy nhiên, nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 865 điểm cho hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Ngày đáo hạn	Thời gian còn lại	CR**	KI giao dịch	± Ngày	KLNY (cp)
CFPT1902	SSI	9/30/2019	45	1:1	264,600	238.2%	1,000,000
CVNM1901	KIS	12/13/2019	119	10:1	755,190	154.8%	5,000,000
CFPT1901	VND	9/11/2019	26	2:1	431,530	458.1%	2,000,000
CFPT1903	SSI	12/30/2019	136	1:1	104,520	400.1%	2,000,000
CHPG1905	SSI	12/30/2019	136	1:1	18,910	-56.0%	1,000,000
CMWG1904	SSI	12/30/2019	136	1:1	132,190	136.6%	1,000,000
CMBB1902	HSC	12/17/2019	123	1:1	67,110	-12.3%	1,000,000
CHPG1904	SSI	9/30/2019	45	1:1	140,260	30.1%	1,000,000
CMBB1901	SSI	9/28/2019	43	1:1	557,680	427.5%	3,000,000
CPNJ1901	MBS	9/10/2019	25	5:1	236,330	193.5%	1,000,000
CMWG1901	BSC	9/9/2019	24	4:1	84,650	29.4%	1,000,000
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	27	2:1	104,780	172.9%	1,500,000
CMWG1902	VND	12/11/2019	117	4:1	23,880	1695.5%	2,400,000
CHPG1901	MBS	9/10/2019	25	2:1	226,590	137.5%	2,000,000
CMWG1903	HSC	12/30/2019	136	5:1	400,290	69.8%	2,000,000
CHPG1902	KIS	12/11/2019	117	5:1	174,520	-62.4%	3,000,000

Chú thích:

- * Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes**
- Lãi suất phi rủi ro là 4.75%**
- Độ lệch chuẩn là 28.77%**
- ** Tỷ lệ chuyển đổi**

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 16/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến tích cực khi hầu hết các mã đều tăng theo đà tăng của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.
- CFPT1902 và CVNM1901 tăng giá nhiều nhất lần lượt là 24.88% và 20.83%. Thanh khoản thị trường tăng mạnh gấp đôi phiên liền kề trước đó, CVNM1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 20% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là MWG và FPT, các chứng quyền khác duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. CMWG1901 và CMWG1902 là những chứng quyền có tỷ suất sinh lời lớn nhất. Trong khi đó, CMWG1904 và CMWG1901 là những chứng quyền có trạng thái lãi lớn nhất. VNM có phiên tăng điểm tích cực. Các chỉ báo kỹ thuật cho thấy xu hướng hồi phục trong ngắn hạn, và sẽ tạo động lực tăng cho nhóm chứng quyền có cổ phiếu cơ sở là cổ phiếu này trong các phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 1
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	21.90	4.29	2.85
VNM	124.10	1.72	1.48
VIC	122.00	0.83	0.59
MSN	77.00	1.18	0.59
VPB	19.45	0.78	0.36

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MWG	117.3	-2.25	-1.08
SAB	276.0	-3.16	-0.88
EIB	17.5	-3.06	-0.80
FPT	52.0	-1.89	-0.76
HPG	23.1	-0.86	-0.46

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá phát hành	Giá chứng quyền	± Ngày	Giá Lý thuyết *
3,800	9,990	24.88%	7,291
1,200	870	20.83%	17
1,900	4,600	12.20%	4,079
6,000	12,500	10.62%	8,032
3,300	4,050	5.19%	1,973
14,000	35,000	1.45%	31,627
3,200	3,330	0.91%	1,560
2,200	2,510	0.40%	1,131
1,900	2,700	0.37%	1,844
1,700	3,150	0.32%	1,636
2,000	7,900	-1.25%	7,997
1,500	930	-2.11%	418
2,990	9,500	-2.56%	7,848
1,200	1,150	-3.36%	484
2,700	6,000	-4.76%	5,349
1,000	500	-5.66%	0

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG1901	96,300	88,300	117,300
CHPG1901	47,999	22,900	23,050
CHPG1902	168,888	41,999	23,050
CHPG1903	22,100	23,200	23,050
CMBB1901	23,700	20,600	22,400
CMBB1902	26,300	21,800	22,400
CMWG1902	48,130	90,000	117,300
CPNJ1901	26,300	77,981	86,000
CVNM1901	46,340	158,888	124,100
CFPT1902	96,981	45,140	52,000
CFPT1903	56,154	45,140	52,000
CHPG1904	98,800	23,100	23,050
CHPG1905	93,300	23,100	23,050
CMWG1903	25,800	95,000	117,300
CMWG1904	165,000	90,000	117,300
CFPT1901	27,000	44,154	52,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	117.3	-2.3%	0.7	2,258	7.7	7,893	14.9	5.0	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	86.0	-0.7%	1.0	833	5.5	4,727	18.2	4.7	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	77.1	-1.7%	1.3	2,349	0.5	1,503	51.3	3.5	25.6%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	39.0	-2.0%	0.7	392	2.0	3,061	12.7	1.3	51.3%	10.7%
VIC	Bất động sản	122.0	0.8%	1.1	17,748	1.8	1,673	72.9	5.0	15.0%	8.2%
VRE	Bất động sản	35.2	-0.7%	1.1	3,559	2.1	1,033	34.0	2.9	32.5%	8.8%
NVL	Bất động sản	61.8	-0.2%	0.8	2,500	1.1	3,579	17.3	2.8	7.2%	17.8%
REE	Bất động sản	37.6	2.7%	1.0	506	4.1	5,261	7.1	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	14.1	2.2%	1.4	319	1.2	2,944	4.8	1.1	47.8%	27.0%
SSI	Chứng khoán	22.3	1.8%	1.3	493	2.4	1,997	11.1	1.2	58.4%	10.9%
VCI	Chứng khoán	36.0	4.7%	1.0	255	0.3	5,067	7.1	1.6	37.5%	24.7%
HCM	Chứng khoán	20.9	6.9%	1.4	278	2.6	1,434	14.6	1.5	56.3%	11.1%
FPT	Công nghệ	52.0	-1.9%	0.8	1,533	10.6	4,349	12.0	2.6	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	44.0	0.0%	0.4	476	0.0	3,778	11.6	2.9	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	100.9	0.0%	1.5	8,396	1.6	6,066	16.6	4.3	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	62.4	1.5%	1.5	3,176	1.1	3,271	19.1	3.7	13.2%	20.2%
PVS	Dầu khí	20.4	0.5%	1.7	424	2.1	2,351	8.7	0.8	24.0%	9.8%
BSR	Dầu khí	9.7	1.0%	0.8	1,308	0.5	1,163	8.3	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	94.0	-1.1%	0.5	534	0.1	4,602	20.4	4.0	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.8	-0.4%	0.7	235	0.3	838	16.5	0.7	19.9%	4.9%
DCM	Hóa chất	8.1	-0.7%	0.7	187	0.0	894	9.1	0.7	2.5%	7.6%
VCB	Ngân hàng	77.9	-1.4%	1.3	12,562	1.9	4,729	16.5	3.8	23.9%	25.6%
BID	Ngân hàng	36.0	2.6%	1.5	5,351	5.1	2,107	17.1	2.3	3.2%	13.8%
CTG	Ngân hàng	20.5	0.5%	1.6	3,319	2.9	1,470	13.9	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	19.5	0.8%	1.2	2,078	2.8	2,989	6.5	1.3	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.4	0.4%	1.1	2,058	4.1	3,215	7.0	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	21.9	0.9%	1.1	1,544	1.5	3,438	6.4	1.5	34.0%	26.4%
BMP	Nhựa	51.7	2.4%	0.9	184	0.6	5,040	10.3	1.7	76.8%	17.2%
NTP	Nhựa	39.5	2.3%	0.4	153	0.1	4,490	8.8	1.5	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.1	-2.4%	1.2	630	0.0	732	22.0	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.1	-0.9%	1.0	2,767	8.9	2,898	8.0	1.4	38.3%	19.9%
HSG	Thép	6.6	-1.3%	1.5	122	0.4	425	15.6	0.5	17.5%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	124.1	1.7%	0.8	9,396	5.8	5,465	22.7	7.6	58.9%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	276.0	-3.2%	0.8	7,695	1.0	6,735	41.0	10.1	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	77.0	1.2%	1.2	3,913	1.4	3,304	23.3	2.9	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	16.0	-0.6%	0.5	365	0.9	542	29.5	1.4	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	82.1	0.4%	0.8	7,771	0.4	2,630	31.2	5.8	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	130.5	0.2%	1.1	3,073	3.6	9,850	13.2	5.0	19.5%	43.3%
HVN	Vận tải	38.9	0.8%	1.7	2,399	0.6	1,747	22.3	3.0	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	28.5	2.0%	0.8	368	2.8	1,888	15.1	1.4	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.5	0.9%	0.6	214	0.5	2,505	7.0	1.2	30.6%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	89.5	-0.6%	0.9	610	2.3	7,458	12.0	4.6	2.6%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.6	-0.5%	0.9	363	0.2	1,333	14.0	1.3	13.1%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.1	0.0%	0.8	250	0.0	1,657	9.1	1.1	6.3%	11.7%
CTD	Xây dựng	102.0	0.1%	0.7	339	0.1	13,465	7.6	1.0	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.8	2.3%	1.1	515	0.8	1,307	20.5	1.8	0.0%	9.7%
CII	Xây dựng	21.0	0.0%	0.5	226	0.4	485	43.3	1.0	52.4%	2.4%
POW	Điện	12.9	0.8%	0.6	1,313	0.6	820	15.7	1.2	14.9%	7.8%
NT2	Điện	24.7	0.2%	0.6	309	0.2	2,241	11.0	1.8	22.2%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	124.10	1.72	1.08	1.07MLN
VIC	122.00	0.83	0.99	347380.00
TCB	21.90	4.29	0.93	6.27MLN
BID	36.00	2.56	0.91	3.24MLN
PLX	62.40	1.46	0.34	399760.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	21.90	0.92	0.34	1.54MLN
NVB	7.40	4.23	0.08	180400.00
L14	76.40	8.99	0.07	186500.00
VCG	26.80	2.29	0.04	677300.00
CEO	10.40	1.96	0.03	510700.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	276.00	-3.16	-1.71	78780.00
VCB	77.90	-1.39	-1.21	551180.00
VHM	83.50	-0.60	-0.50	589570.00
MWG	117.30	-2.25	-0.35	1.47MLN
BVH	77.10	-1.66	-0.27	144210.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVI	39.00	-2.01	-0.03	1.16MLN
PVX	1.40	-6.67	-0.02	2.32MLN
MBG	9.90	-8.33	-0.02	50900.00
VCS	89.50	-0.56	-0.02	585100.00
API	17.90	-6.28	-0.02	1000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ASP	7.49	7.00	0.01	134870.00
SCD	35.25	6.98	0.01	6020.00
GAB	16.10	6.98	0.00	475980.00
CLW	21.50	6.97	0.01	1160.00
DAH	13.90	6.92	0.01	1.79MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	25.0	0.00	54700.00
SPI	0.90	12.5	0.00	55500.00
BBS	6.60	10.0	0.00	100.00
CMC	6.60	10.0	0.00	1900.00
VIG	1.10	10.0	0.00	202700.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCF	180.00	-12.83	-0.21	1180.00
TIX	27.90	-7.00	-0.02	50.00
SBV	8.37	-6.90	-0.01	5420.00
HU1	7.43	-6.89	0.00	30810.00
PIT	5.19	-6.82	0.00	1240.00

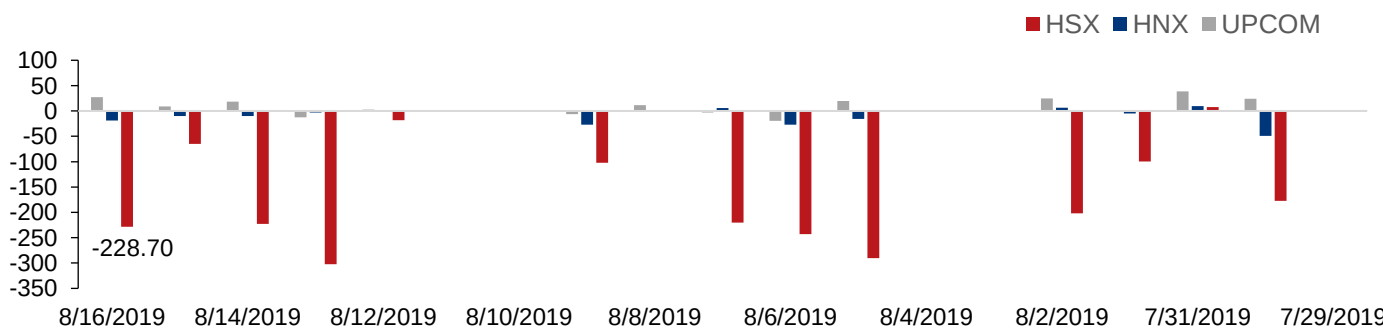
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KSK	0.10	-50.00	0.00	96200.00
SDG	33.70	-9.89	-0.01	39600.00
APP	6.40	-9.86	0.00	300.00
BXH	16.50	-9.84	0.00	200.00
PBP	11.00	-9.84	0.00	7600.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phen hóa và biến	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồ	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
4	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
5	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
10	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ mô_Tháng 07_Phen hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M5_Phen hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click
20	tin_20180503	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	51.9	5,276	9.8	2.8	Click
2	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	29.2	4,234	6.9	1.0	Click
3	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	21.9	3,438	6.4	1.5	Click
4	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	18.4	3,181	5.8	1.6	Click
5	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.6	425	15.6	0.5	Click
6	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0		49.6	4,314	11.5	3.4	Click
7	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	77.0	3,304	23.3	2.9	Click
8	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	157.5	7,716	20.4	10.6	Click
9	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	28.5	1,888	15.1	1.4	Click
10	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	117.3	7,893	14.9	5.0	Click
11	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	30.8	3,760	8.2	1.6	Click
12	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	7.6	1,433	5.3	0.4	Click
13	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	83.0	18,865	4.4	1.7	Click
14	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	21.6	1,294	16.7	1.7	Click
15	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	18.2	3,481	5.2	1.2	Click
16	LHG	Bất động sản	Mua	7/5/2019	18.6	25.5	18.0	2,655	6.8	0.8	Click
17	FPT	Phần mềm	Mua	3/5/2019	50.0	59.1	52.0	4,349	12.0	2.6	Click
18	DGW	Bán lẻ	Mua	8/4/2019	22.9	27.4	23.2	3,149	7.4	1.2	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	8/4/2019	42.5	58.0	36.2	8,518	4.2	2.1	Click
20	GEX	Thiết bị điện	Mua	1/4/2019	23.0	30.2	20.2	2,251	9.0	1.7	Click

TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER
Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hòa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VSC 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 34000 ; Giá tại Publish 28600 Chúng tôi dự báo KQKD VSC 2019F với DT và LNST đạt lần lượt 1,695.8 tỷ đồng (+0.1% yoy) và 329.4 tỷ đồng (-7% yoy), tương đương EPS FW là 4,561 VND/CP. Biên lợi nhuận gộp VSC giảm nguyên nhân do việc thuê ngoài cảng PTSC và Nam Đình Vũ để bốc xếp tàu hàng bị trùng lịch với cảng Vip Green - Green Port khiến chi phí dịch vụ thuê ngoài tăng. Chúng tôi cho rằng VSC hiện đang gặp trực tiếp trong việc quản lý cảng khiến cho các chi phí tăng mạnh, bên cạnh đó sản lượng hàng hóa thông cảng của Green Port -29% yoy và VIP Green Port là +8% yoy trong 1H2019. Tuy nhiên, chúng tôi kì vọng hoạt động kinh doanh khai thác cảng sẽ ổn định trở lại trong 2H2019-2020.
Express GMD 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 33350 ; Giá tại Publish 27000 BSC dự báo DT và LNST đạt lần lượt 3,016.5 tỷ đồng (+11.4% yoy) và 694.9 tỷ đồng (+15% yoy, đã loại trừ LNBT 2018), tương đương EPS FW là 1,972 VND/CP (đã loại trừ QKTPL). Cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 1 khả năng vượt kế hoạch từ 382-400 ngàn TEUs khi có thêm 2 tàu hàng mới vào tháng 8-10/2019. Ngoài ra, giai đoạn 2 của cảng Nam Đình Vũ sẽ triển khai vào 2H2019. Dự án Gemalink sẽ hoàn thành vào Q2-Q3/2020 giúp tăng công suất ở khu vực Cái Mép Thị Vải.
Express VNM 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 138500 ; Giá tại Publish 120600 BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp, PE FW là 21x và PB fw là 6.9x. SCIC thoái vốn khỏi VNM trong 2020. VNM ra mắt nhiều sản phẩm mới đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng qua đó giúp tăng trưởng doanh thu. Tăng trưởng thị phần nội địa nhờ mở rộng điểm bán tăng độ bao phủ, chiến dịch marketing và khuyến mãi tốt giúp tăng nhận diện thương hiệu. Tuy nhiên, sữa nội địa bị cạnh tranh nhiều nếu các hãng sữa nước ngoài vào Việt Nam thông qua các hiệp định thương mại EVFTA.
Express MSN 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 82300 ; Giá tại Publish 75000 BSC dự báo KQKD MSN Doanh thu và LNST 2019F lần lượt đạt 42,215 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 5,239 tỷ đồng (-6.8% yoy), nếu trừ đi lợi nhuận bất thường 2018 thì LNST 2019 tăng 22%, EPS FW 2019F đạt 4,302 VND/CP, PE FW = 17.4x và PB FW = 2.4x. Giá thịt heo phục hồi trở lại sau đợt dịch AFS trong 2H2019. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng ngành hàng tiêu dùng của Masan Consumer đang chậm hơn kỳ vọng. Thức ăn chăn nuôi dành cho heo tiếp tục giảm trong 6M2019 do ảnh hưởng của dịch AFS. Giá vonfram duy trì ở mức thấp khoảng 250-260 USD/MTU ảnh hưởng tới KQKD mảng Masan Resources.
Express PNJ 2019Q3	12/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 93400 ; Giá tại Publish 76300 BSC dự báo KQKD 2019 với doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 16,180 tỷ đồng (+10.2% yoy) và 1,193 tỷ đồng (+24% yoy), EPS cốt lõi FW 2019 = 5,089 đồng/cp, PE FW 2019 = 15.1 lần dựa trên các giả định (1) Biên lợi nhuận gộp năm 2019 ước đạt 21.6%, (2) SSSG cửa chuỗi vàng trang sức năm 2019 và 2020 lần lượt là 5% và 12% và (3) Số lượng cửa hàng mở mới dự kiến trong năm 2019 là 40 cửa hàng.



BSC Invest
Your Money. You invest

- ♦ Bạn không có thời gian để đầu tư
- ♦ Bạn băn khoăn với biến động thị trường
- ♦ Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

• BSC i-Invest là nền tảng giao dịch trực tuyến kiểu mới dành cho khách hàng của BSC. Khác với phương thức quen thuộc là đặt lệnh theo từng mã cổ phiếu, i-Invest sử dụng phương thức quản lý và thực hiện mua bán theo danh mục đầu tư. Dựa vào nhu cầu, đặc điểm, mức độ ưa thích rủi ro của khách hàng, hệ thống i-Invest ngay lập tức đưa ra danh mục đầu tư phù hợp với kỳ vọng lợi nhuận tốt nhất cho khách hàng.

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật danh mục trên i-Invest

Danh mục	Hiệu suất danh mục							
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm 4 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Xây dựng	1.4%	1.0%	-3.4%	-5.6%	-7.9%	-11.4%	30.0%	82.1%
Ngân hàng	1.4%	3.2%	1.6%	5.6%	4.9%	-0.6%	69.8%	132.5%
Xây dựng & Vật liệu XD	1.3%	1.4%	-1.0%	-2.9%	-0.9%	-2.7%	2.0%	156.2%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.3%	1.4%	-4.9%	-4.4%	-0.1%	-1.4%	51.1%	88.5%
BD&S & Khu công nghiệp	0.2%	1.0%	0.3%	1.9%	3.5%	3.1%	43.2%	100.9%
Hàng tiêu dùng	-0.2%	1.0%	4.7%	5.5%	8.6%	11.8%	67.8%	193.0%
* Note	Danh mục Xây dựng hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng +1.4% , cao hơn mức tăng của VN-Index. Trong khi đó, danh mục Hàng tiêu dùng ghi nhận hiệu suất kém tích cực -0.2% .							
Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 4	1.0%	1.8%	0.3%	3.6%	0.6%	-4.3%	20.6%	74.4%
Danh mục 15	0.8%	3.1%	4.7%	5.7%	4.0%	5.6%	68.1%	146.0%
Danh mục 14	0.5%	0.9%	1.0%	-0.4%	3.4%	3.4%	40.6%	50.5%
Danh mục 12	-0.2%	0.3%	1.8%	-1.7%	6.2%	10.1%	112.3%	247.6%
Danh mục 8	-0.2%	0.4%	3.5%	6.5%	13.5%	13.0%	63.4%	116.9%
* Note	3/5 Danh mục mục tiêu có hiệu suất ngày tăng - khả quan .							
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 21	0.6%	0.7%	0.9%	2.3%	6.4%	4.0%	50.4%	59.6%
Danh mục 20	0.3%	0.0%	-2.1%	0.8%	-0.4%	9.3%	16.9%	159.8%
Danh mục 19	0.2%	2.1%	3.9%	5.5%	8.8%	11.2%	56.1%	126.2%
Danh mục 24	0.0%	0.8%	0.9%	6.4%	10.6%	7.8%	63.1%	166.7%
Danh mục 22	-0.2%	2.7%	4.7%	8.3%	11.1%	4.7%	63.3%	154.9%
* Note	4/5 Danh mục Rủi ro đều có hiệu suất ngày tăng theo đà thị trường.							
INDEX								
VNINDEX	0.1%	0.6%	-0.3%	0.4%	3.1%	1.6%	48.9%	62.2%
VN30INDEX	0.2%	1.6%	1.4%	0.2%	-0.6%	-6.1%	38.1%	38.3%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

